TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST

Ngày: 22/01/2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Đông và ông Nguyễn Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Phi Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 104/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023, Quyết định Hoãn phiên tòa số: 01/2024/HSST-QĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Vừ A T, sinh năm 1998, tại tỉnh Điện Biên; nơi ĐKTT và nơi ở hiện nay: Bản S, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: H'Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; con ông: Vừ A L, sinh năm 1975; con bà Giàng Thị D, sinh năm 1978; bị cáo có vợ là Hạng Thị X, sinh năm 2004; bị cáo có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/9/2023, sau đó chuyển tạm giam hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố G– (Có mặt).

2. Lý Văn C, sinh năm 1997, tại tỉnh Lào Cai; nơi ĐKTT và nơi ở hiện nay: Bản G, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: H'Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; con ông: Lý Văn L, sinh năm 1978; con bà Liều Thị X, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 14/9/2023, sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố G – (Có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Vừ A T và Lý Văn C: Bà Mai Thị H *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)* và bà Nguyễn Thị X, trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Nông. *(Có mặt).*

Bị hại: Chị Đặng Thị Uyển N, địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. *(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 13 tháng 9 năm 2023, Vừ A T và Lý Văn C rủ nhau đến thành phố G, tỉnh Đắk Nông để trộm cắp tài sản. Sau đó T điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, không rõ biển kiểm soát *(xe Chú mượn của bạn tên L , không rõ lai lịch)* chở C đi từ xã N huyện Đ đến địa bàn thành phố G. Đến khoảng 22h cùng ngày, T và C đi đến đoạn ngã ba đường tránh G thuộc tổ dân phố T, phường Q, cả hai đem xe môtô giấu ở bụi cây ven đường nhằm tránh phát hiện rồi T và C đi bộ khoảng 700m thì thấy nhà chị Đặng Thị Uyển N *(địa chỉ: TDP4, phường N, T.p G)* nên cả hai trèo qua hàng rào đột nhập vào nhà chị N để trộm cắp tài sản.

Lúc này T và C đi ra phía sau nhà, T lấy 01 móc phơi quần áo, bẻ cong rồi sử dụng để mở chốt cửa nhà chị N rồi đột nhập vào nhà. Khi vào trong T và C thấy một phòng ngủ có người nên cả hai đi sang phòng ngủ bên cạnh để tìm tài sản. C thấy bên trên tủ nhựa có 02 điện thoại di động *(01 điện thoại nhãn hiệu Xiaomi và 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung)* và số tiền 10.700.000đ, nên C lấy 01 điện thoại Xiaomi cất giấu trong người còn 01 điện thoại Samsung và số tiền 10.700.000đ đưa cho T cất giữ. Tiếp đó, T lục tìm tài sản thì thấy 01 ví da màu xanh bên trong có số tiền 300.000đ cùng giấy tờ cá nhân của chị N nên đã lấy trộm.

Sau khi trộm cắp tài sản, T điều khiển xe môtô chở C về Ngã ba S, xã Đ, huyện T. Tại đây, cả hai chia nhau số tiền 11.000.000đồng, C lấy 5.350.000 đồng, T lấy 5.650.000 đồng, còn các giấy tờ cá nhân của chị N và 02 điện thoại thì C cất giữ. Sau đó, T đem số tiền 5.200.000đ về đưa cho chị Hạng Thị X *(sinh năm 2004, là vợ của T)* cất giữ, chị X không biết đây là tiền T trộm cắp. Đến ngày 14 tháng 9 năm 2023, C điều khiển xe môtô BKS 48K1-109.85 chở T đến địa bàn xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước để bán tài sản thì bị Công an xã T, huyện B phát hiện và bắt giữ.

Sau khi xảy ra vụ việc, chị Đặng Thị Uyển N đã làm đơn trình báo đến Công an phường Q để giải quyết.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

- Thu giữ của Lý Văn C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Zlip3 5G, dạng gập, màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Mi 11 lite, màu đen; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 48008298; 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng B2, ghi tên Đặng Thị Uyển N; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ đen, BKS: 48K1 – 109.85; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 009050 mang tên Lý Văn C; 01 điện thoại Iphone 12, màu đen, số IMEI: 351061781649287; Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 6.470.000 đồng

(trong đó tiền do C trộm cắp là số tiền 5.350.000đ, còn lại số tiền 1.120.000đ của C – hiện đang gửi giữ tại kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông).

- Thu giữ của Vừ A T: 01 ví da màu xanh, có in nhãn hiệu "N Bmart 0886677710"; tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 940.000 đồng *(trong đó tiền do T trộm cắp là số tiền 450.000đ, còn lại số tiền 490.000đ là của T – hiện đang gửi giữ tại kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông);* tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 5.200.000 đồng *(do chị Hạng Thị X tự nguyện giao nộp).*

Đối với móc treo quần áo làm bằng kim loại màu trắng bạc, các bị can sử dụng để cạy chốt cửa, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 45/BB-HĐĐG ngày 19/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố G, kết luận: Tại thời điểm ngày 13/9/2023, 01 điện thoại hiệu Xiaomi Mi 11 Lite, trị giá 2.800.000 đồng; 01 điện thoại hiệu SamSung Zlip3 5G, trị giá 6.300.000 đồng; 01 ví màu xanh, trị giá 60.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 9.160.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản Vừ A T và Lý Văn C đã trộm cắp là 20.160.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc chị Đặng Thị Uyển N đã nhận lại tất cả tài sản do các bị cáo chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 101/CT-VKS-GN ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân thành phố G để xét xử Vừ A T và Lý Văn C về tội "*Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Vừ A T và Lý Văn C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông truy tố các bị cáo về tội:*"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các tình tiết buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vừ A Tvà Lý Văn C phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Vừ A T từ 15 đến 18 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lý Văn C từ 15 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, chị Đinh Thị Uyển N đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo: Về tội danh người bào chữa đồng ý với quan điểm truy tố Đại diện Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra các bị cáo phạm tội nhưng tài sản đã được trả lại cho bị hại nên đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51, các bị cáo là người dân tộc thiểu số và sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn quy định tại khoản 2 Điều 51, nên cần áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa các bị cáo Vừ A T và Lý Văn C không bào chữa bổ sung về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy đã có căn cứ xác định các bị cáo Vừ A T và Lý Văn C phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…".

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo phải nhận thức rằng quyền sở hữu tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, bất kỳ hành vi chiếm đoạt trái phép nào cũng đều bị xử lý nghiêm theo quy định, nhưng vì động cơ vụ lợi

cá nhân cộng với ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Đinh Thị Uyển N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, đều với vai trò thực hiện và số tiền hưởng lợi bất chính tương đương nhau, không có chênh lệch lớn nên mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là ngang nhau là phù hợp và có căn cứ.

[3]. *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo Vừ A T và Lý Văn C có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, ngoài ra bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Riêng bị cáo Vừ A T thuộc diện hộ cận nghèo. Do đó các bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử có căn cứ để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại đã nhận lại các tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác nên không đề cập, xem xét là phù hợp.

[5]. *Về vật chứng:* Căn cứ khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với cho số tiền 490.000 đồng thu giữ của Vừ A T và số tiền 1.120.000 thu giữ Lý A C, đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo T và C không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo T và C là phù hợp.

Chấp nhận ngày 30/9/2023, ngày 03/11/2023 cơ quan CSĐT Công an thành phố G ra Quyết định xử lý vật chứng số 33/QĐ-ĐTTH; Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 90/QĐ-ĐTTH trả lại: 01 điện thoại Xiaomi Mi 11 Lite; 01 điện thoại Samsung Z Lip3: 01 ví da màu xanh, số tiền 11.000.000 đồng và một số giấy tờ tuỳ thân cho chị Đặng Thị Uyển N; 01 xe môtô BKS 48K1–109.85; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 điện thoại iphone 12 cho Lý Văn Lù, là các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp, nên không đề cập.

Đối với chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave mà Vừ A T sử dụng làm phương tiện chở Lý Văn C đi trộm cắp tài sản. Đây là xe môtô C mượn của đối tượng tên L, tuy nhiên sau khi mượn C đã trả lại; hiện đã xác minh nhưng không rõ lai lịch đối tượng tên L. Do đó, không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

Đối với Hạng Thị X có hành vi cất giữ số tiền 5.200.000đồng là tiền do Vừ A T trộm cắp. Tuy nhiên, X không biết đây là tài sản trộm cắp, không tham gia trao đổi, bàn bạc trộm cắp tài sản. Vì vậy, không có căn cứ xử lý nên không đề cập là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 13 Promax, màu vàng thu giữ của Lý Văn C, C khai nhận đã trộm cắp tại thị trấn K, huyện Đ. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an thành phố G đã chuyển nguồn tin về tội phạm cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ để điều tra, làm rõ theo thẩm quyền là phù hợp nên không đề cập.

[6]. Xét quan điểm của người bào chữa: Về tội danh và Điều luật áp dụng, người bào chữa đồng ý với quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà. Về tình tiết giảm nhẹ người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đề nghị HĐXX áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là không có căn cứ không phù hợp nên không chấp nhận.

[7]. Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G về tội danh, mức hình phạt về xử lý vật chứng là có căn cứ và đúng pháp luật cần chấp nhận.

[8]. *Về án phí:* Các bị cáo Vừ A T và Lý Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vừ A T và Lý Văn C phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vừ A T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 14/9/2023).

Xử phạt bị cáo Lý Văn C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 14/9/2023).

2. Về vật chứng: Trả lại cho cho Vừ A T số tiền 490.000 đồng và Lý Văn C số tiền 1.120.000 đang được tạm gửi tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G theo ủy nhiệm chi ngày 27/11/2023 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố G.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Vừ A T và Lý Văn C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người bào chữa có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người bào chữa vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** *Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TP.G;
- Phòng PV 06 và PC 10 CA tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan THAHS Công an TP.G;
- Chi cục THADS TP.G;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu: HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Thành